

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TIN 12 ÔN TẬP BÀI 1-2

BÀI 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Câu 1. CSDL là tập hợp các dữ liệu có liên quan được lưu trên

- A. ROM B. CPU C. RAM D. Ổ đĩa

Câu 2. Hệ QTCSDL là

- A. Phần mềm B. Phần cứng C. Hệ điều hành D. Modules

Câu 3. Dữ liệu là

- A. Chương trình máy tính B. Thông tin được đưa vào máy tính
C. Hệ điều hành D. Phần mềm hệ thống

Câu 4. Hệ QTCSDL dùng để

- A. Tạo lập, lưu trữ, khai thác hồ sơ B. Xóa hồ sơ
C. Sửa thông tin trong hồ sơ D. Thêm thông tin vào hồ sơ

Câu 5. Chức năng chính của hệ QTCSDL là:

- A. Soạn thảo văn bản B. Tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ
C. Lưu trữ, nhưng không khai thác hồ sơ D. Cập nhật, khai thác nhưng không lưu trữ dữ liệu

Câu 6. CSDL là:

- A. Tập hợp dữ liệu của cơ quan tổ chức B. Tập hợp thông tin của máy tính
C. Tài liệu về trường học D. Tập hợp chương trình có liên quan

Câu 7. Tạo lập CSDL là:

- A. Chỉnh sửa CSDL sai C. Xác định chủ thể cần quản lí
B. Thống kê dữ liệu dựa trên tính toán D. Lập báo cáo

Câu 8. CSDL là:

- A. Tập hợp thông tin của một tổ chức nào đó
B. Tập hợp các dữ liệu có liên quan
C. Được lưu trữ trên các thiết bị nhớ để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người dùng với những mục đích khác nhau
D. Là tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau, chứa thông tin của một tổ chức nào đó, được lưu trữ trên thiết bị nhớ để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người sử dụng với nhiều mục đích khác nhau.

Câu 9. Em hiểu như thế nào về cụm từ “Hệ quản trị cơ sở dữ liệu”?

- A. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại thiết bị hỗ trợ màn hình máy tính
B. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại dữ liệu được lưu trữ trên máy tính
C. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại thiết bị hỗ trợ mạng máy tính
D. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại phần mềm máy tính

Câu 10. Các công việc chính khi khai thác hồ sơ là:

- A. Sắp xếp, tìm kiếm, thống kê, lập báo cáo
B. Sắp xếp, lập báo cáo, cập nhật hồ sơ
C. Cập nhật hồ sơ, sắp xếp, tìm kiếm, thống kê
D. Lập báo cáo, tìm kiếm, tạo hồ sơ.

Câu 11. Dữ liệu gồm:

- A. Văn bản, hình ảnh, âm thanh
- B. Văn bản, hình ảnh, âm thanh, mùi vị
- C. Là một tập hợp có cấu trúc của dữ liệu liên quan đến một hay nhiều chủ đề
- D. Cung cấp một môi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập lưu trữ và khai thác thông tin.

Câu 12. Cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Cung cấp một môi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập lưu trữ và khai thác thông tin.
- B. Là một tập hợp có cấu trúc của dữ liệu liên quan đến một hay nhiều chủ đề.
- C. Văn bản, hình ảnh, âm thanh được lưu trong máy tính
- D. Là nền tảng vững chắc cho dữ liệu.

Câu 13. Hệ cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Là sự kết hợp của 1 cơ sở dữ liệu và 1 hệ QTCSDL
- B. Là một hệ thống cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh
- C. Là một bảng có nhiều cột và nhiều hàng mô tả CSDL
- D. Là dữ liệu gốc chỉ có thể dùng Access để xem nội dung.

Câu 14. Hệ QTCSDL là:

- A. Hệ thống gồm 1 CSDL + 1 Hệ CSDL
- B. Là phần mềm cung cấp 1 môi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL.
- C. Là cơ sở dữ liệu của người dùng
- D. Là công cụ quản lý dữ liệu của người quản trị CSDL

Câu 15. _Hãy nêu các ưu điểm khi sử dụng CSDL trên máy tính điện tử:

- A. Gọn, nhanh chóng
- B. Gọn, thời sự (cập nhật đầy đủ, kịp thời...)
- C. Gọn, thời sự, nhanh chóng
- D. Gọn, thời sự, nhanh chóng, nhiều người có thể sử dụng chung CSDL

Câu 16: Các thành phần của hệ CSDL gồm:

- A. CSDL, hệ QTCSDL
- B. CSDL, hệ QTCSDL, con người
- C. Con người, CSDL, phần mềm ứng dụng
- D. Con người, phần mềm ứng dụng, hệ QTCSDL, CSDL

Câu 18: Sự khác biệt giữa CSDL và hệ QTCSDL

- A. CSDL là tập hợp chứa các dữ liệu liên quan với nhau, chứa thông tin về một vấn đề nào đó, được lưu trên máy tính. CSDL này do một hệ quản trị CSDL tạo ra. Hệ quản trị CSDL là phần mềm dùng tạo lập, bảo trì: CSDL, hơn thế nữa nó còn dùng quản trị và khai thác CSDL đó.
- B. CSDL và Hệ quản trị CSDL không liên quan đến nhau. Đó là 2 khái niệm độc lập.
- C. CSDL là tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau, hệ quản trị CSDL không tạo ra CSDL mà chỉ là chương trình để quản lý và khai thác CSDL đó.
- D. CSDL là tập hợp các dữ liệu có liên quan với nhau, còn hệ quản trị cơ sở dữ liệu là Phần mềm cung cấp một môi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập, lưu trữ và khai thác thông tin.

Câu 19. Khi truy cập thông tin trên Internet, một số trang web yêu cầu mật khẩu, điều này là nhằm đảm bảo tính:

- A. Cấu trúc B. Độc lập
C. Không dư thừa D. An toàn và bảo mật thông tin

Câu 20. CSDL không lưu trữ những dữ liệu trùng lặp hoặc những thông tin có thể dễ dàng suy diễn hay tính toán được từ những dữ liệu đã có thì CSDL đó đã đảm bảo yêu cầu:

- A. Tính cấu trúc B. Tính toàn vẹn C. Tính không dư thừa D. Tính độc lập

Câu 22. Khi một CSDL không đảm bảo tính không dư thừa thì sẽ có thể:

- A. Dữ liệu sẽ bị sai
B. Làm mất tính an toàn và bảo mật thông tin
C. Làm mất tính toàn vẹn của dữ liệu
D. Dễ dẫn đến tình trạng không nhất quán của thông tin

Câu 23. Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL

- A. Quầy thực phẩm tại chợ truyền thống.
B. Chấm bài thi trên giấy.
C. Quản lý học sinh trong nhà trường, Bán hàng, Bán vé máy bay.
D. Các hoạt động trên.

BÀI 2: HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Câu 1. Hệ QTCSDL có mấy chức năng chính?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2. Cập nhật dữ liệu gồm mấy thao tác?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Cập nhật dữ liệu gồm các thao tác?

- A. Thêm, sắp xếp, tìm kiếm C. Thêm, xóa, tìm kiếm
B. Thêm, xóa, sửa D. Thêm, sắp xếp, sửa

Câu 4. Khai thác dữ liệu gồm mấy thao tác?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 5. Khai thác dữ liệu gồm:

- A. Thêm, sắp xếp, tìm kiếm, báo cáo B. Sắp xếp, tìm kiếm, thống kê, báo cáo
C. Sắp xếp, tìm kiếm, thống kê, sửa chữa D. Thêm, tìm kiếm, thống kê, sửa

Câu 6. Hệ QTCSDL gồm mấy bộ phận chính?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 7. Các thành phần chính của hệ QTCSDL?

- A. Trình ứng dụng, bộ quản lý dữ liệu B. Bộ xử lý truy vấn, bộ quản lý dữ liệu
C. Bộ xử lý truy vấn, bộ quản lý tập tin D. Trình ứng dụng, bộ quản lý trung tâm

Câu 8. Khi làm việc với hệ CSDL, con người được chia làm mấy nhóm vai trò chính?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 9. Người quản trị là người

- A. Cấp phát quyền truy cập B. Khai thác thông tin từ CSDL
C. Xây dựng các chương trình ứng dụng D. Nhập dữ liệu cho CSDL

Câu 10. Người dùng là

- A. Cấp phát quyền truy cập
B. Khai thác thông tin từ CSDL
C. Xây dựng các chương trình ứng dụng
D. Thiết kế CSDL

Câu 11. Người lập trình là người:

- A. Cấp phát quyền truy cập
B. Khai thác thông tin từ CSDL
C. Xây dựng các chương trình ứng dụng
D. Thiết kế dữ liệu CSDL

Câu 12. Có mấy bước xây dựng CSDL?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 13. Xây dựng CSDL gồm:

- A. Khảo sát, thiết kế, xây dựng hệ thống
B. Khảo sát, thiết kế, kiểm thử
C. Thiết kế, xây dựng hệ thống, kiểm thử
D. Thiết kế, kiểm thử, nhập dữ liệu

Câu 14. “Tìm hiểu yêu cầu của công tác quản lí” thuộc bước?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 15. “Nhập dữ liệu cho CSDL” thuộc bước?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 16. “Thiết kế CSDL” thuộc bước?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 17. Hãy chỉ ra đặc điểm của người quản trị CSDL trong các đặc điểm sau:

- A. Xây dựng các chương trình ứng dụng dựa trên hệ QTCSDL
B. Nâng cấp hệ CSDL
C. Giao tiếp với CSDL thông qua các giao diện đã chuẩn bị sẵn
D. Là người mang nặng tính tò mò thông tin cá nhân.

Câu 18. Nhóm người nào là tập thể đông đảo nhất trong những người có quan hệ với CSDL và được chia thành nhiều nhóm?

- A. Người dùng.
B. Người giám sát.
C. Người quản trị CSDL.
D. Người lập trình ứng dụng.

Câu 19. Nhóm người có nhiệm vụ phân quyền truy cập, đảm bảo an ninh cho hệ CSDL là:

- A. Người dùng
B. Người bảo vệ.
C. Người quản trị CSDL.
D. Người lập trình ứng dụng.

Câu 20. Các bước xây dựng CSDL theo thứ tự gồm:

- A. Thiết kế - Xây dựng - Kiểm tra
B. Khảo sát - Thiết kế - Kiểm thử
C. Phân tích - Thiết kế - Lưu trữ
D. Thiết kế - Kiểm thử - Lưu trữ

Câu 21. Chức năng cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu nhằm thực hiện việc:

- A. Phát hiện và ngăn chặn truy cập trái phép
B. Duy trì tính nhất quán của dữ liệu
C. Mô tả dữ liệu
D. Nhập, sửa, xóa dữ liệu

Câu 22. Chức năng của hệ QTCSDL

- A. Cung cấp cách tạo lập CSDL
B. Cung cấp cách cập nhật dữ liệu, tìm kiếm và kết xuất thông tin
C. Cung cấp công cụ kiểm soát điều khiển việc truy cập vào CSDL
D. Các câu trên đều đúng

Câu 23. Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép

- A. Khai báo kiểu dữ liệu, cấu trúc dữ liệu, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL
- B. Đảm bảo tính độc lập dữ liệu
- C. Khai báo kiểu, cấu trúc, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL
- D. Ngăn chặn sự truy cập bất hợp pháp

Câu 24. Để thực hiện thao tác cập nhật dữ liệu, ta sử dụng:

- A. Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu
- B. Ngôn ngữ thao tác dữ liệu

Câu 25. Ngôn ngữ thao tác dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép

- A. Khai báo kiểu, cấu trúc, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL
- B. Nhập, sửa xóa dữ liệu
- C. Cập nhật, dữ liệu
- D. Câu B và C

Câu 26. Hãy cho biết các loại thao tác trên CSDL

- A. Thao tác trên cấu trúc dữ liệu
- B. Thao tác trên nội dung dữ liệu
- C. Thao tác tìm kiếm, tra cứu thông tin, kết xuất báo cáo
- D. Tất cả các thao tác trên.

Câu 27. Ngôn ngữ thao tác dữ liệu là một ngôn ngữ không cho phép

- A. Hỏi đáp CSDL
- B. Truy vấn CSDL
- C. Thao tác trên các đối tượng của CSDL
- D. Định nghĩa các đối tượng được lưu trữ trong CSDL

Câu 28. Một hệ quản trị CSDL không có chức năng nào trong các chức năng dưới đây?

- A. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL
- B. Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác
- C. Cung cấp công cụ quản lý bộ nhớ
- D. Cung cấp công cụ kiểm soát truy cập CSDL